

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 4 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Việt Tân.
- Ông Võ Trọng Thơi.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số F Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị A, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số B đường N, Tổ D, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

Bị đơn: Anh Ngô Ngọc Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số B đường N, Tổ D, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Hồ Thị A trình bày:

Chị Hồ Thị A và anh Ngô Ngọc Q qua thời gian tìm hiểu nhau, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị A, anh Q đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/7/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2023, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Chị A thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Ngọc Q.

Về con chung: Chị **Hồ Thị A** và anh **Ngô Ngọc Q** có 02 người con chung tên là **Ngô Thị Đài T**, sinh ngày 02/02/2005 và **Ngô Kiến P**, sinh ngày 04/7/2014. Tại phiên tòa hôm nay chị **A** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **P** đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 500.000 đồng cho đến khi cháu **P** thành niên (Đủ 18 tuổi). Đối với cháu **T** đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị **Hồ Thị A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh **Ngô Ngọc Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và địa điểm kết hôn thì anh **Q** hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị **A**. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở nhà của bố mẹ anh **Q** tại **xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là chị **A** và anh **Q** không hiểu nhau. Nay chị **A** yêu cầu được ly hôn thì anh không chấp nhận, anh **Q** mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** kiên quyết ly hôn thì anh chấp nhận giao con là cháu **Ngô Kiến P**, sinh ngày 04/7/2014 chị **A** được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), anh **Q** cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 500.000 đồng cho đến khi cháu **P** thành niên (Đủ 18 tuổi). Hiện nay, cháu **P** đang do chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh **Ngô Ngọc Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hồ Thị A** được ly hôn với anh **Ngô Ngọc Q**; giao cháu **Ngô Kiến P**, sinh ngày 04/7/2014 cho chị **Hồ Thị A** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **P** thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con không ai được cản trở; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị **A** phải chịu án phí ly hôn và anh **Q** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đối với cháu **Ngô Thị Đài T**, sinh ngày 02/02/2005 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh **Ngô Ngọc Q** đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Anh **Q** vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Hồ Thị A** và anh **Ngô Ngọc Q**.

Nguyên đơn chị **Hồ Thị A** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh **Ngô Ngọc Q**, có nơi cư trú tại: **Số B đường N, Tổ D, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Thị A** và anh **Ngô Ngọc Q** sau khi tìm hiểu nhau, đã tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/7/1999. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị **A** thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Ngô Ngọc Q**. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh **Q** đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh **Q** không đến, chứng tỏ, anh **Q** không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị **A**, anh **Q** mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị **Hồ Thị A** được ly hôn với anh **Ngô Ngọc Q**.

[3] Về con chung: Chị **Hồ Thị A** và anh **Ngô Ngọc Q** có 02 người con chung tên là **Ngô Thị Đài T**, sinh ngày 02/02/2005 và **Ngô Kiến P**, sinh ngày 04/7/2014. Chị **A** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Ngô Kiến P**, sinh ngày 04/7/2014 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **P** thành niên (Đủ 18 tuổi). Đối với cháu **Ngô Thị Đài T**, sinh ngày 02/02/2005 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu **Ngô Kiến P** do chị **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, xét nguyện vọng của cháu **P** mong muốn ở với chị **A**. Phía anh **Q** cũng chấp nhận giao cháu **P** cho chị **A** nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 500.000 đồng. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về tinh thần và vật chất cho cháu **P** phát triển một cách bình thường và đầy đủ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **A**, giao cháu **P** cho chị **A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **P** một tháng là 500.000 đồng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **P** thành niên (Đủ 18 tuổi). Đối với cháu **Ngô Thị Đài T**, sinh ngày 02/02/2005 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị **Hồ Thị A** và anh **Ngô Ngọc Q** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Hồ Thị Á** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và anh **Ngô Ngọc Q** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hồ Thị Á** được ly hôn anh **Ngô Ngọc Q**.

2. Về con chung: Giao cháu **Ngô Kiến P**, sinh ngày 04/7/2014 chị **Hồ Thị Á** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), anh **Ngô Ngọc Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **P** thành niên (Đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị **Hồ Thị Á** và anh **Ngô Ngọc Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **Hồ Thị Á** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị **Hồ Thị Á** đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002776 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị **Hồ Thị Á** đã nộp đủ án phí. Anh **Ngô Ngọc Q** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn số 16, quyền số 01/99, ngày 22/7/1999;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân